

Hà Nội, ngày 01 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thực hiện công khai ngân sách nhà nước
6 tháng đầu năm 2025

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN ĐO LƯỜNG VIỆT NAM

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 556/QĐ-TĐC ngày 10/03/2025 của Chủ tịch Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Đo lường Việt Nam;

Thông tư số 90/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai tình hình thực hiện công khai ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm 2025 (theo biểu số 03 đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông bà Chánh Văn phòng, Kế toán trưởng và Trưởng các đơn vị trực thuộc Viện Đo lường Việt Nam thực hiện quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Ủy ban TCĐLCL (để b/c);
- Lưu VT, VP.

VIỆN TRƯỞNG



Ngô Thị Ngọc Hà

Đơn vị: Viện Đo lường Việt Nam
Chương: 017

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH
9 THÁNG ĐẦU NĂM 2025**

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Viện Đo lường Việt Nam công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2025 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 9 tháng đầu năm 2025	Thực hiện 9 tháng đầu năm 2024	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4		5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí					
I	Số thu phí, học phí					
1	Lệ phí					
	Lệ phí...					
	Lệ phí...					
2	Học phí					
	Phí ...					
	Phí ...					
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại					
1	Chi sự nghiệp giáo dục					
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
2	Chi quản lý hành chính					
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ					
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ					
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước					
1	Lệ phí, Học phí					
	Lệ phí...					
	Lệ phí...					
2	Học phí					
	Phí ...					

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 9 tháng đầu năm 2025	Thực hiện 9 tháng đầu năm 2024	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	Phí ...					
	Phí ...					
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	1.510	692,7	254,8	46%	272%
I	Nguồn ngân sách trong nước	1.158	692,7	254,8	60%	272%
1	Chi quản lý hành chính					
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ					
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ					
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	1.158	692,7	254,8	60%	272%
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	858	692,71	254,8	81%	272%
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia					
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	858	692,7	254,8	81%	272%
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở					
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng					
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	300				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề					
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình					
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
5	Chi bảo đảm xã hội					
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
6	Chi hoạt động kinh tế					
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường					
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin					
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn					

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 9 tháng đầu năm 2025	Thực hiện 9 tháng đầu năm 2024	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao					
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
II	Nguồn vốn viện trợ	352				
1	Chi quản lý hành chính					
1.1	Dự án A					
1.2	Dự án B					
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	352				
2.1	Hỗ trợ các dịch vụ đảm bảo chất lượng phát triển năng lượng bền vững	352				
2.2	Dự án B					
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề					
3.1	Dự án A					
3.2	Dự án B					
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình					
4.1	Dự án A					
4.2	Dự án B					
5	Chi bảo đảm xã hội					
5.1	Dự án A					
2.2	Dự án B					
6	Chi hoạt động kinh tế					
6.1	Dự án A					
6.2	Dự án B					
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường					
7.1	Dự án A					
7.2	Dự án B					
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin					
8.1	Dự án A					
8.2	Dự án B					
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn					
9.1	Dự án A					
9.2	Dự án B					
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao					
10.1	Dự án A					
10.2	Dự án B					
III	Nguồn vay nợ nước ngoài					
1	Chi quản lý hành chính					

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 9 tháng đầu năm 2025	Thực hiện 9 tháng đầu năm 2024	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
2.1	Dự án A					
2.2	Dự án B					
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề					
3.1	Dự án A					
3.2	Dự án B					
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình					
4.1	Dự án A					
4.2	Dự án B					
5	Chi bảo đảm xã hội					
5.1	Dự án A					
2.2	Dự án B					
6	Chi hoạt động kinh tế					
6.1	Dự án A					
6.2	Dự án B					
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường					
7.1	Dự án A					
7.2	Dự án B					
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin					
8.1	Dự án A					
8.2	Dự án B					
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn					
9.1	Dự án A					
9.2	Dự án B					
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao					
10.1	Dự án A					
10.2	Dự án B					

Kế toán trưởng

[Signature]

Ngày tháng năm 2025

Thủ trưởng đơn vị



VIỆN TRƯỞNG
Ngô Thị Ngọc Hà

